

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-7-2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Việt

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2019 đối với các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn BN, xã BT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

2. ***Bị đơn:*** Anh Bùi Văn K, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn BN, xã BT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ly hôn, lời khai của nguyên đơn và tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị L trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn, chỉ có gia đình hai bên gặp mặt và tổ chức đám cưới. Trong thời gian chung sống, chị L và anh K có 04 (bốn) con chung là

Bùi Văn Minh, Bùi Văn Huy, Bùi Văn Huân và Bùi Văn Hòa, hiện nay đã trưởng thành. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 23 năm, nhưng sau thời gian này, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn yên bình do anh K trở nên ích kỷ và không lo làm ăn. Sau nhiều lần nhắc nhở để anh K suy nghĩ lại nhưng anh K vẫn không thay đổi. Nay, chị L thấy không thể hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng nên đề nghị giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Văn K. Về tài sản chung, chị L không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn- anh Bùi Văn K, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh K luôn từ chối nhận, cố tình không đến nên không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn K sống chung, không đăng ký kết hôn nên theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì chị L và anh K không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn K là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị giải quyết về hôn nhân giữa chị với anh Bùi Văn K, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Bùi Văn K đến làm việc và thực hiện các thủ tục khác nhưng anh K không chấp hành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận chị L và anh Bùi Văn K là vợ chồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Được sự cho phép của hai bên gia đình, chị L và anh K tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn. Chị L cho rằng trong cuộc sống chung, giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không còn hạnh phúc do anh K càng ngày trở nên ích kỷ, tính cách khó khăn không cho chị L tiếp xúc với mọi người xung quanh kể cả anh chị em ruột thịt. Sau khi biết Tòa án thụ

lý giải quyết vụ án, anh K có đơn đề nghị hòa giải nhưng Tòa án nhiều lần yêu cầu anh K đến để trình bày và xem xét nguyện vọng nhưng anh K không đến. Xét thấy tình cảm giữa chị L và anh K không còn, mục đích của cuộc sống chung không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ. Do chị L và anh K không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: “ Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng” (nay là khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014), vì vậy không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn K là vợ chồng.

[3] Về con chung đã trưởng thành, chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn K là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016095 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/7/2019). Anh Bùi Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND xã BT;
- Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Huyền